

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2018/DS-ST

Ngày: 04-4-2018

V/v: Tranh chấp hợp mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Ông Ngô Văm Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Em- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH thiết bị văn phòng N.P

Địa chỉ: Số 04, đường Đoàn Thị Điểm, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân V (Theo văn bản ủy quyền 11/01/2018). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M.X

Địa chỉ: Đường Lưu Hữu Phước, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Xuân V trình bày:

Vào ngày 17/10/2017 Công ty TNHH thiết bị văn phòng N.P (Công ty N.P) có bán cho bà Nguyễn Thị M.X là chủ quán nhậu Tiến Đồng 01 bộ máy vi tính, 01 máy in, một phần mềm tính tiền và lắp đặt 01 bộ camera gồm đầu ghi, ổ cứng và 04 camera. Trước khi mua bà X có đến công ty xem các thiết bị nêu trên và đã đồng ý mua, khi giao hàng và X không có ý kiến gì đến các thiết bị nêu trên nên đã ký nhận hàng và hẹn một tuần sau sẽ trả tiền. Đến ngày 20/10/2017 bà X gọi điện và kêu công ty lắp đặt thêm 02 camera nữa và đến ngày 24/10/2017 công ty N.P đã lắp đặt thêm 02 camera thì bà X gọi điện cho công ty N.P yêu cầu công ty đem tất cả các thiết bị đã mua trước đó về với lý do: camera xem không được, phần mềm tính tiền không sử dụng được. Ngay sau đó nhân viên kỹ thuật của công ty đã đến kiểm tra thì các thiết bị đã bán cho bà X vẫn hoạt động bình thường. Việc mua bán giữa hai bên không có làm hợp đồng chỉ thỏa thuận bằng lời nói và có phiếu nhận hàng. Nay Công ty N.P yêu cầu bà X phải trả cho công ty N.P tổng số tiền đã mua các thiết bị nêu trên là 27.746.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai ban đầu.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn Thị M.X trình bày: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về thời gian, tổng số lượng hàng hóa, giá trị của các thiết bị đã mua của công ty N.P. Tuy nhiên, chất lượng các sản phẩm đã mua không đúng như ban đầu, camera hình ảnh bị mờ, phần mềm tính tiền không sử dụng được. Lúc thỏa thuận mua bên công ty N.P hứa sẽ cho nhân viên kỹ thuật hỗ trợ chị X một tuần để hướng dẫn chị X cách sử dụng phần mềm nhưng sau khi nhận hàng và lắp đặt xong công ty N.P lại đưa nhân viên không có chuyên môn đến hướng dẫn và kêu chị X tự nghiên cứu cách sử dụng. Giám đốc công ty đã đồng ý nhận toàn bộ các sản phẩm đã bán nhưng yêu cầu chị X phải trả cho công ty 5.000.000đ. Toàn bộ việc thỏa thuận mua bán giữa chị X và công ty N.P chỉ bằng lời nói, không có văn bản. Nay chị X yêu cầu trả lại máy vi tính, máy in, phần mềm và yêu cầu đổi lại 01 bộ camera có chất lượng đúng như thỏa thuận ban đầu.

Tại phiên tòa bị đơn yêu cầu công ty N.P nhận lại tất cả các tài sản đã bán cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về việc nợ tiền mua bán máy vi tính, máy in, bộ camera và các thiết bị khác. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc xác lập hợp đồng giữa các đương sự: Công ty TNHH thiết bị văn phòng N.P (gọi tắt Công ty N.P) cho rằng có bán cho bà Nguyễn Thị M.X là chủ quán nhậu Tiến Đồng 01 bộ máy vi tính, 01 máy in, một phần mềm tính tiền và lắp đặt 01 bộ camera gồm đầu ghi, ổ cứng và 06 camera và một số thiết bị khác, khi bán chỉ thỏa thuận miệng và phía bị đơn có ký nhận vào hóa đơn bán hàng với số tiền là 27.746.000 đồng và phía bị đơn chưa thanh toán số tiền trên cho công ty N.P. Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có mua một số thiết bị tin học của công ty N.P như nguyên đơn đã trình bày với tổng số tiền là 27.746.000 đồng và thừa nhận chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn. Như vậy có đủ cơ sở việc mua bán tài sản giữa Công ty N.P và bị đơn là có thật và việc mua bán này là hình thức của việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Cho nên nguyên đơn và bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện theo những gì đã giao kết.

[3] Về Nội dung thỏa thuận, quá trình các bên thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về trình tự mua bán là bị đơn trực tiếp đến công ty lựa chọn tài sản và khi bị đơn đã chọn được tài sản thì phía nguyên đơn sẽ giao hàng và lắp đặt hoàn chỉnh cho bị đơn và bị đơn sẽ thanh toán tiền cho nguyên đơn sau khi hoàn thành việc lắp đặt các thiết bị đã mua. Bị đơn cũng thừa nhận việc mua bán giữa các bên đều diễn ra đúng thỏa thuận như trên, khi giao hàng bị đơn có kiểm tra về số lượng các mặt hàng đã mua và bị đơn đã ký vào phiếu giao nhận hàng thể hiện việc bên mua đã nhận đầy đủ như đã thỏa thuận. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán tiền: Bị đơn cho rằng sau khi được lắp đặt vài ngày thì các mặt hàng đã mua xảy ra vấn đề là camera nhìn không rõ, máy in và phần mềm tính tiền không sử dụng được nên bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng khi mua hàng phía nguyên đơn có hứa sẽ cho nhân viên kỹ thuật xuống quán hướng dẫn bị đơn cách sử dụng phần mềm tính tiền và máy in phiếu tính tiền trong vòng một tuần nhưng sau khi lắp đặt phía nguyên

đơn không hướng dẫn nên chị X không biết cách sử dụng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận ý kiến phản bác của bị đơn, nguyên đơn cho rằng công ty N.P không có cam kết sẽ hướng dẫn bị đơn cách sử dụng phần mềm tính tiền trong suốt một tuần và khi cài đặt phần mềm thanh toán tiền nhân viên công ty N.P đã có hướng dẫn cách sử dụng phần mềm cho bị đơn. Xét thấy việc mua bán giữa các bên chỉ được thực hiện bằng lời nói, không có văn bản thể hiện việc thỏa thuận về cách hướng dẫn sử dụng tài sản giữa các bên nên việc hướng dẫn cách sử dụng phần mềm được thực hiện theo quy định tại Điều 443 Bộ luật dân sự 2015: *“Bên bán có nghĩa vụ cung cấp cho bên mua thông tin cần thiết về tài sản mua bán và hướng dẫn cách sử dụng tài sản đó; nếu bên bán không thực hiện nghĩa vụ này thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán phải thực hiện trong một thời hạn hợp lý; nếu bên bán vẫn không thực hiện làm cho bên mua không đạt được mục đích giao kết hợp đồng thì bên mua có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*. Bị đơn thừa nhận khi lắp đặt máy vi tính nhân viên công ty N.P có hướng dẫn cách sử dụng cho bị đơn nhưng nhân viên đó không có chuyên môn nên không hướng dẫn cho bị đơn được. Tại phiên tòa bị đơn cho rằng khi đi mua máy vi tính bị đơn cũng không sử dụng thử phần mềm cũng như chưa biết đó là phần mềm gì và cách sử dụng ra sao nhưng vẫn đồng ý mua cho nên việc chị X không biết cách sử dụng không phải do lỗi của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ hướng dẫn cách sử dụng tài sản cho bị đơn và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện giữa hai bên có thỏa thuận về việc nguyên đơn sẽ cử người hướng dẫn bị đơn cách sử dụng phần mềm tính tiền trong một tuần. Cho nên việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn nhận lại máy in và phần mềm thanh toán tiền là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bộ camera, bị đơn cho rằng hình ảnh camera không rõ như lúc bị đơn được xem tại cửa hàng công ty. Bị đơn có gọi điện báo cho công ty N.P biết và yêu cầu công ty N.P phải đổi camera khác cho bị đơn nhưng nguyên đơn không đồng ý đổi camera khác. Xét thấy, lúc nguyên đơn giao tài sản cho bị đơn, bị đơn đã kiểm tra lại các tài sản đã đúng như tài sản bị đơn đã đặt mua và bị đơn đã đồng ý nhận tài sản và đã ký xác nhận vào phiếu giao hàng. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận sau khi lắp đặt camera sử dụng bình thường nhưng sau đó vài ngày thì hình ảnh không rõ nét, không nhìn xa được cho nên bị đơn cho rằng tài

sản nguyên đơn giao cho bị đơn không đúng chất lượng như thỏa thuận ban đầu. Nguyên đơn cho rằng nhân viên kỹ thuật của công ty N.P có đến kiểm tra và camera vẫn hoạt động bình thường. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 448 Bộ luật dân sự: *“Bên mua có quyền yêu cầu bên bán hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn do các bên thỏa thuận hoặc trong một thời gian hợp lý; nếu bên bán không thể sửa chữa được hoặc không thể hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn đó thì bên mua có quyền yêu cầu giảm giá, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác hoặc trả lại vật và lấy lại tiền”*. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã thông báo nguyên đơn đến sửa chữa lại sản phẩm nhưng nguyên đơn không đến, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là các tài sản nguyên đơn giao cho bị đơn không đúng như chất lượng mà nhà sản xuất đã công bố và bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục trưng cầu giám định chất lượng sản phẩm. Vì vậy, việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn nhận lại tài sản là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để xác định bị đơn đã nhận đủ các sản phẩm đã đặt mua của nguyên đơn, nguyên đơn cũng không chứng minh được các sản phẩm đã mua có chất lượng không đúng như thỏa thuận ban đầu và cũng không chứng minh được đã thông báo cho nguyên đơn đến sửa chữa nhưng nguyên đơn không tiến hành sửa chữa cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản trên cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn Nguyễn Thị M.X phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430; 433; 440; 443; 445; 448 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thiết bị Văn phòng N.P.

Buộc bà Nguyễn Thị M.X phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH thiết bị Văn phòng N.P số tiền là 27.746.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm

bốn mươi sáu nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị M.X phải nộp là: 1.387.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Công ty TNHH thiết bị Văn phòng N.P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 693.500 đồng (Sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0012679 ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- THADS TP Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Trinh